

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 70 /2021/HS-ST

Ngày: 02/7/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Vân

Ông Lương Thanh Văn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

- *Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2021/TLST - HS ngày 06/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 76/2021/QĐXXST- HS ngày 04/6/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 2000; Nơi cư trú: thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Không xác định (tại phiên tòa bị cáo khai bố là Đỗ Văn H, sinh năm 1974), con bà Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo là con duy nhất; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 11/12/2020 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Chị Hà Thị D – sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Ngọc A – sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Hoàng Văn H – sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

3. Đinh Thị H1 – sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L- sinh năm 2000, trú tại thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang và chị Hà Thị D- sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có mối quan hệ quen biết với nhau. Khoảng 23 giờ ngày 23/11/2020, khi L đang ở nhà nghỉ HD thuộc tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang cùng bạn gái là chị Đinh Thị H1- sinh năm 1996, trú tại thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì nhận được tin nhắn của chị D xin đến ngủ nhờ. Được L đồng ý, chị D mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12V1- 148.31 của anh Hoàng Văn H- sinh năm 2001, trú tại thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đi từ phòng trọ của anh H ở thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đến nhà nghỉ HD để gặp L. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi chị D đến nhà nghỉ HD thì L hỏi chị D cho mượn xe mô tô để đi mua đồ ăn do L và chị H1 chưa ăn tối nhưng chị D không đồng ý. Chị D bảo nếu muốn mượn xe đi mua đồ ăn thì phải đưa chị D đi cùng. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1- 148.31 chở chị D ra quán bún ở thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang để mua bún, còn chị H1 vẫn ở nhà nghỉ HD. Tại đây, do cần tiền tiêu sài cá nhân nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12V1- 148.31 của chị D để mang đi cầm cố lấy tiền. L nói dối chị D cho mượn xe để đi rút tiền và gặp người quen thì chị D đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1- 148.31 đến cửa hàng bán quần áo của chị Nguyễn Thị Ngọc A- sinh năm 1995, trú tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang ở thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang để vay của chị A số tiền 7.000.000 đồng và để lại xe làm tin. Chị A đồng ý cho L vay tiền nhưng do không đủ tiền mặt nên đã đưa cho L số tiền 5.320.000 đồng. Còn lại số tiền 1.680.000 đồng thì L bảo chị A chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank của chị H1. Sau khi chị A chuyển tiền xong thì L đi taxi đi thẳng về nhà nghỉ HD rồi bảo chị H1 đi xe taxi ra quán bún đón chị D về. Số tiền chị A chuyển vào tài khoản của chị H1 thì L đã lấy bằng tiền mặt. Toàn bộ số tiền vay của chị A, L đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi cho L mượn xe, chị D đã nhiều lần đòi xe nhưng L không trả nên đã trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đề nghị giải quyết. Ngày 03/12/2020, Nguyễn Văn L ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Cùng ngày 03/12/2020, sau khi biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12V1- 148.31 L để lại là tài sản do phạm tội mà có nên chị A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 132 ngày 09/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12V1- 148.31 có trị giá 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 03/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Nguyễn Văn L ra trước Toà án nhân dân huyện V để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ vụ án, bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 10 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 11/12/2020.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng chẵn*).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Văn L đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12V1- 148.31 trị giá 16.500.000 đồng của chị Hà Thị D - sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô trị giá 16.500.000 đồng

[3] Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị đưa ra xét xử hình sự lần nào.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện ra đầu thú. Do vậy cần áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

[6] Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy tuy bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo chưa khắc phục hậu quả cho hành vi phạm tội của bị cáo, nên bị cáo không được hưởng án treo. Do vậy cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[7] Về hình phạt bổ sung: bị cáo hiện không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc A đề nghị bị cáo L phải trả số tiền 7.000.000 đồng đã vay. Đến nay, bị cáo L chưa trả cho chị A khoản tiền nào. Do vậy cần buộc bị cáo phải trả cho chị A số tiền 7.000.000 đồng.

[9] Ngày 14/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 12V1- 148.31 cho anh Hoàng Văn H là chủ sở hữu hợp pháp. Anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc chị Đinh Thị H1 nhận được tiền do chị A chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của chị H1 thì chị H1 không biết đây là tiền L vay của chị A và để lại chiếc xe mô tô 12V1- 148.31 lại làm tin. Chị H1 không bàn bạc và không được biết về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L nên không vi phạm pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc A là người cho L vay tiền và giữ lại chiếc xe mô tô 12V1- 148.31 lại làm tin nhưng chị A không biết đây là tài sản do L phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật.

[10] Ngoài hành vi phạm tội nêu trên thì Nguyễn Văn L khai: Khoảng tháng 10/2020, do cần tiền tiêu sài cá nhân nên L và Nguyễn Trọng Đ- sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang có mượn chị D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (D mua trả góp nên chưa có biển kiểm soát) để mang đến vay của chị A số tiền 8.000.000 đồng, thỏa thuận cắt lãi 1.000.000 đồng. Chị A đưa cho L và Đ số tiền 7.000.000 đồng. Số tiền vay được L và Đ chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng để tiêu sài cá nhân. Tuy nhiên, khi L và Đ mượn xe của chị D thì nói rõ là để mang đi cầm cố và chị D đồng ý cho L và Đ mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision của mình đi cầm cố nên hành vi của L và Đ không cấu thành tội phạm. Đến nay, L đã chuộc lại xe và trả lại cho chị D. Chị D đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[11] Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 10 (Mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2020 đến ngày 11/12/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1 b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- Công an huyện Việt Yên;
- T.H.A.(4 b);
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.
- Lưu HS.VP (1 b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thị Tuyết

